

Số: 97 /QĐ-BĐDHĐQT

Bình Định, ngày 14 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2020
của Phòng giao dịch NHCSXH huyện Hoài Nhơn

TRƯỞNG BAN ĐẠI DIỆN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 của Tổng Giám đốc
Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) quy định về xây dựng và tổ chức thực
hiện kế hoạch tín dụng trong hệ thống NHCSXH;
Theo đề nghị của Giám đốc chi nhánh NHCSXH tỉnh Bình Định tại Tờ trình
số 638/TTr-NHCSBĐ ngày 11/5/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2020 của Phòng giao dịch NHCSXH huyện Hoài Nhơn theo danh mục đính kèm.

Điều 2. Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện Hoài Nhơn báo cáo UBND huyện, trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH huyện phân bổ chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2020 được giao tại Quyết định này theo đúng quy định cho các đơn vị trực thuộc để triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 82/QĐ-BĐDHĐQT ngày 24/4/2020 và Quyết định số 86/QĐ-BĐDHĐQT ngày 29/4/2020 của Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH huyện Hoài Nhơn, Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện Hoài Nhơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Nguyễn Tuấn Thanh;
- TV BĐDHĐQT NHCSXH tỉnh;
- UBND huyện Hoài Nhơn;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K20.

[Chữ ký]

TM. BDD HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TRƯỞNG BAN



PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Nguyễn Tuấn Thanh

**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2020
CỦA NHCSXH HUYỆN HOÀI NHƠN**



*Kèm theo Quyết định số 97/QĐ-BĐDHĐQT ngày 14 tháng 5 năm 2020
của Trưởng BĐDHĐQT NHCSXH tỉnh)*

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch dự nợ đã thông báo năm 2020	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2020
1	Hộ nghèo (NĐ 78/2002/NĐ-CP)	76.430	-1.550	74.880
2	Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (QĐ 62/2004/QĐ- TTg)	57.262	+3.350	60.612
3	Hộ gia đình sản xuất kinh doanh VKK (QĐ 31/2007/QĐ-TTg)	28.132	-428	27.704

Đu